



**BẢNG TỔNG HỢP GIỜ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ THỰC HIỆN NĂM 2022**

Tổng hợp Ngày 09 tháng 01 năm 2023

TT	Họ và tên	Định mức giờ NCKH	Giờ NCKH được miễn giảm	Giờ NCKH phải thực hiện	Tổng giờ NCKH đã thực hiện được													Mã CB	
					Seminar năm 2022		Năm 2020			Năm 2021			Năm 2022			Tổng giờ NCKH đã được tính cho năm 2022	Còn thiếu		Tổng còn lại được chuyển cho năm sau
					Đã thực hiện	Được tính	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2022	Còn lại	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2022	Còn lại	Đã sử dụng cho các năm trước	Đã sử dụng năm 2022	Còn lại				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)-(4)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)=(7)+(9)+(12)+(15)	(18)=(5)-(17)	(19)=(13)+(16)	-20
1	Lê Thị Nam An	175		175			268	175	199,9			1,400				175		1,400	1160
2	Phạm Thị Hoài An																		1801
3	Đặng Thúy Anh	295	44	251			318	107			144	376			66,7	251		442,7	1251
4	Đậu Trọng Tuấn Anh																		2360
5	Đinh Thị Mai Anh	165	55	110	8	8					102	31,3				110		31,3	2265
6	Lê Thị Vân Anh																		1800
7	Nguyễn Thị Kim Anh	220	88	132	35	35	100			3,1	97	33,2			160	132		193,2	1404
8	Lưu Ngọc Bảo	220		220	100	88	100			175,8	24,2			107,8	92,2	220		92,2	1390
9	Nguyễn Xuân Bình	117	18	99	30	30	133,33			66,67						30	69		1607

10	Đào Thị Minh Châu	295	128	167			78,16	167	469,1					443,3	167		443,3	1452
11	Lê Thị Mỹ Châu	235	124	111			34	111	518,3		296,2				111		296,2	1212
12	Lê Thị Sao Chi	220	66	154							50		104	96	154		96	1576
13	Trần Phương Chi	175		175			18	175	262					84,2	175		84,2	1215
14	Nguyễn Huy Chiêu	350	18	332				200			132	68		266,7	332		334,7	1532
15	Nguyễn Thị Chung																	2363
16	Nguyễn Thị Thu Cúc	220	176	44				44	651		1,100				44		1,100	1273
17	Nguyễn Văn Đại	175	52	123			125,9	123	1879,1		720			21,8	123		741,8	1309
18	Thái Thị Đào	220	33	187									187	171,3	187		171,3	2675
19	Phạm Xuân Đạt																	1773
20	Nguyễn Duy Duẩn	235	35	200				200	793,3					60	200		60	1602
21	Cao Thị Thu Dung	175	71	104				104	46					133,3	104		133,3	1354
22	Phạm Mỹ Dung	220	57	163			70	163	152		393,3			470,8	163		864,1	1368
23	Nguyễn Anh Dũng	295	221	74				74	146		150			107,9	74		257,9	1466
24	Đỗ Thị Hà																	2336
25	Lê Thị Thuý Hà	295	44	251	45	45		60					146	144	251		144	1465
26	Phạm Thị Hà	225		225	45	45		100			80	220			225		220	2013
27	Trần Thị Việt Hà																	1804
28	Võ Thị Thu Hà_B	175	58	117	45	45		57,14			14,86	135,1		320	117		455,1	2010
29	Lê Minh Hải	175	60	115				115	80					237,5	115		237,5	1372
30	Đoàn Thị Ngọc Hân	235	35	200	35	35	228	9,5			155,5	144,5			200		144,5	1282
31	Nguyễn Thị Thu Hằng	295	30	265	23	23		242	226,3		125			137,5	265		262,5	1131
32	Nguyễn Thị Thu Hằng	225	66	159	90	63,6		42,86					52,54	123,7	159		123,7	2367
33	Nguyễn Thị Tô Hằng	125	68	57	70	22,8				146	34,2	19,8			57		19,8	2442

34	Trịnh Thị Hằng	235	129	106				106	294			415			387,5	106		802,5	1277
35	Chu Thị Thu Hiền																		2530
36	Lê Thị Thu Hiền	225		225	50	50	275			82	18			157	103	225		103	2464
37	Nguyễn Thị Đức Hiền																		1794
38	Trần Thị Hiền																		2391
39	Nguyễn Thị Thanh Hòa	220	89	131	5	5	100	126	101,3	104		224			200	131		424	1249
40	Đặng Thị Thu Hoài																		1747
41	Đỗ Thị Phi Hoài	350		350	35	35				100				315	1,7	350		1,7	2653
42	Nguyễn Thị Hoài																		2387
43	Trương Thị Hoài	235	82	153			50	50			103	57			100	153		157	1260
44	Nguyễn Văn Hoàn	175	26	149			61,6	88,4						60,6	46,1	149		46,1	1343
45	Lê Khánh Hưng																		1792
46	Hoàng Thị Thuý Hương																		1761
47	Nguyễn Thị Hương																		2525
48	Phạm Thị Hương	235	165	70			40	70	90			150				70		150	1449
49	Nguyễn Mai Hường	225	120	105	25	25	90,37	80	100,5			200			25	105		225	2482
50	Nguyễn Thanh Huyền	225	172	53							53	27			128	53		155	1261
51	Trần Thị Ngọc Lan	295	30	265	105	105				45	155			5	142,9	265		142,9	1191
52	Nguyễn Thị Lành	200		200	95	80								120	30	200		30	1413
53	Hồ Thị Thanh Lịch																		2394
54	Đinh Văn Liêm	235	153	82										82	160,9	82		160,9	1307
55	Dương Thị Kim Liên																		2489
56	Nguyễn Thị Liên	200	20	180	100	72	100			29,43	108	62,6			200	180		262,6	1391
57	Phan Khánh Linh																		2569

58	Phan Thị Nhật Linh	225		225	17,5	17,5		26,14			181,36	168,6			350	225		518,6	1969
59	Trần Diệu Linh	225		225			124	225	34,3			150			75	225		225	2557
60	Nguyễn Thị Hiền Lương	200		200	100	80	100			51,2	120	128,8			100	200		228,8	1392
61	Vũ Văn Lương	175	58	117						141,67	87,22			29,78	60,2	117		60,2	1927
62	Hồ Khánh Ly																		2392
63	Nguyễn Mai Ly	165	77	88			136	24			64	236				88		236	2272
64	Hoàng Thị Mai	175		175						166,67				8,33	29,2	175		29,2	1376
65	Trần Xuân Minh	235	78	157						143	157	20			280	157		300	1362
66	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	283,44	120	163,4				163,4	111,6			200			260	163,4		460	2364
67	Phan Thị Quỳnh Nga	175	58	117				28,57			88,43	11,6			190	117		201,6	2012
68	Nguyễn Thị Bích Ngọc	295	295																1206
69	Nguyễn Đình Nhâm	350		350			420			151	49			301	99	350		99	1433
70	Nguyễn Thị Hồng Nhật	165	16	149			60			131	149	160				149		160	2552
71	Ngô Hồng Nhung	225	11	214	5	5	70,13			73,87	126,13			82,87	117,1	214		117,1	2375
72	Nguyễn Thị Trang Nhung																		2592
73	Thái Thị Kim Oanh	295	246	49				49	686							49			1266
74	Nguyễn Thị Oánh																		2598
75	Phan Xuân Phồn	295	295																1111
76	Hoàng Vĩnh Phú	295	258	37				37	63			126,7				37		126,7	1446
77	Hồ Thị Phương	235		235				210						25	595	235		595	1455
78	Nguyễn Thị Hà Phương																		2477
79	Bùi Thị Phương Quỳnh	235	82	153	70	61,2	78,5	41,5						50,3	149,7	153		149,7	1298

80	Lê Thị Như Quỳnh	225	55	170	85	68	188	102	20							170			2516
81	Phan Sinh	295		295	110	110	100			12	88			97	3	295		3	1180
82	Đặng Thái Sơn	295	118	177			32			46	177	563,7				177		563,7	1032
83	Đinh Ngọc Thắng	220	165	55				55	95						100	55		100	1304
84	Nguyễn Thị Thanh	175		175			33	175	202			93,3			480,8	175		574,1	1371
85	Nguyễn Công Thành	220	154	66	5	5	66,67	61	39	21,33		98,7			160	66		258,7	1355
86	Đặng Thị Phương Thảo																		2506
87	Nguyễn Thị Phương Thảo																		2523
88	Nguyễn Thị Phương Thảo	225	59	166	100	66,4	75			17	99,6	83,4				166		83,4	2355
89	Trần Hậu Thìn	270		270	15	15	50			23	207			48	102	270		102	1359
90	Hồ Thị Huyền Thương	220		220	90	88	100			221,5	78,5			53,5	34	220		34	1087
91	Trần Hoài Thương																		2636
92	Nguyễn Thị Thuý	235	142	93				93	7			90			322,9	93		412,9	1344
93	Nguyễn Thị Diêu Thuý	235		235	53	53	76,23			163,94	182	154,1			42,9	235		197	1591
94	Nguyễn Thị Bích Thuý	270		270			145,87	270	50,8			133,3			93,3	270		226,6	1348
95	Trần Thị Minh Thuý																		2671
96	Hoàng Thị Thùy	165	89	76			17,6	76	320,2			300			50	76		350	2549
97	Nguyễn Thị Thủy																		2576
98	Phạm Thị Thu Thủy																		2597
99	Nguyễn Đình Tiến	235		235	5	5	188,5	11,5			200			18,5	19	235		19	1280
100	Trần Bá Tiến	295	236	59				59	761			666,7			600	59		1266,7	1403
101	Văn Đình Tiến																		2052
102	Nguyễn Thị Tiếng	235	24	211	70	70				139,8	141	39,2				211		39,2	1361

103	Biện Thị Quỳnh Trang																		2520
104	Nguyễn Thị Cẩm Trang																		2670
105	Chu Thị Trinh	235	107	128	70	51,2	50			15,36	76,8	107,8			61,8	128		169,6	1291
106	Nguyễn Anh Tú	235		235	25	25	18,5	8,77				201,23	98,8		50	235		148,8	1262
107	Hồ Anh Tuấn	295	30	265			16,78	218,22				46,78	413,2			265		413,2	1926
108	Thái Anh Tuấn	220		220	125	88	100			65,6	34,4			97,6	2,4	220		2,4	1428
109	Trần Thị Khánh Tùng	200	20	180	95	72						100		8	142	180		142	1653
110	Dương Thị Cẩm Vân																		2494
111	Ngô Thị Mai Vi	248	90	158			50							158	582	158		582	1342
112	Nguyễn Ngọc Việt	240	72	168	40	40	180			145,7	37,63			90,37	14,6	168		14,6	1185
113	Lê Thị Tuyết Vinh																		2526
114	Nguyễn Đình Vinh	175	70	105				105	15				60			105		60	1374
115	Nguyễn Thành Vinh	220	154	66								60		6	41,2	66		41,2	1611
116	Trương Thị Thành Vinh	175	53	122			189	122	277,3							122			1369
117	Võ Trọng Vinh	220		220	60	60				233	160	87				220		87	2324
118	Nguyễn Lê Ái Vĩnh	220	187	33										17	108	33		108	1445
119	Phạm Anh Vũ	225	110	115	10	10	142,86			43,74	56,26			48,74	206,3	115		206,3	1182
120	Lê Quang Vượng	295	207	88	53	35,2	88	52,8	19,2				61,5		200	88		261,5	1457
121	Trần Thị Xinh	225	26	199	85	79,6								119,4	30,6	199		30,6	2649
122	Trần Thị Xô																		2524
123	Đào Thị Thanh Xuân	175		175			408	135,33				39,67	133,1			175		133,1	1210
124	Nguyễn Thị Xuân																		2574
125	Hứa Thị Hải Yến																		2379

126	Phạm Thị Kim Yến	235	42	193				193	184,3			220			300	193		520	1256
-----	------------------	-----	----	-----	--	--	--	-----	-------	--	--	-----	--	--	-----	-----	--	-----	------

*Nghệ An, ngày 09 tháng 01 năm 2023*

**TRƯỞNG PHÒNG**

**NGƯỜI LẬP DANH SÁCH**